

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CAO ĐẲNG
CHẤT LƯỢNG CAO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP TẠI NHẬT**

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	ĐTB cả năm lớp 12	Ghi chú
1	20C50453	Hồ Duy An	29/10/2002	7.8	
2	20C50652	Đinh Quốc Cường	13/07/2002	7.8	
3	20C50322	Vũ Tuấn Kiệt	19/08/1999	7.8	
4	20C50765	Cao Hữu Nghĩa	20/10/2002	7.8	
5	20C50589	Phạm Thanh Nhã	12/12/2002	7.8	
6	20C50593	Nguyễn Công Thanh	16/08/2002	7.8	
7	20C50052	Nguyễn Việt Thành	27/07/2000	7.8	
8	20C50169	Nguyễn Quốc Anh	18/07/2001	7.7	
9	20C50566	Phạm Hoàng Anh	14/09/2002	7.7	
10	20C50312	Trần Hữu Bằng	24/03/2002	7.7	
11	20C50605	Trương Thành Công	22/01/2002	7.7	
12	20C50584	Nguyễn Đức Duy	20/01/2002	7.7	
13	20C50558	Nguyễn Trần Sỹ Hào	26/05/2002	7.7	
14	20C50520	Phạm Đăng Khoa	22/12/2002	7.7	
15	20C50511	Nguyễn Đăng Khôi	27/11/2002	7.7	
16	20C50250	Phan Thành Lữ	22/07/2002	7.7	
17	20C50736	Lư Huỳnh Phương	10/07/2002	7.7	
18	20C50253	Võ Hiếu Thiện	20/06/2001	7.7	
19	20C50348	Lê Quốc Anh	09/02/2002	7.6	
20	20C30343	Phạm Phan Đức Anh	21/03/2002	7.6	
21	20C50149	Trương Gia Chung	11/12/2002	7.6	
22	20C50379	Đinh Nguyễn Hoàng	16/09/2001	7.6	
23	20C50141	Phạm Ngọc Hưng	16/02/2002	7.6	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	ĐTB cả năm lớp 12	Ghi chú
24	20C50542	Nguyễn Quốc Huy	03/06/2002	7.6	
25	20C50063	Lê Hoàng Khang	30/09/2002	7.6	
26	20C50651	Hồ Tuấn Kiệt	18/04/2002	7.6	
27	20C50277	Nguyễn Lê Hoàng Linh	12/11/2002	7.6	
28	20C50148	Nguyễn Thành Lộc	30/08/2002	7.6	
29	20C50135	Phan Ngọc Nhân	22/08/2002	7.6	
30	20C50452	Võ Thanh Phong	17/07/2002	7.6	
31	20C50232	Huỳnh Phước Tài	24/01/2000	7.6	
32	20C50011	Tô Trần Triết	13/06/2002	7.6	
33	20C50509	Nguyễn Xuân Trường	11/08/2002	7.6	
34	20C50338	Nguyễn Tuyền	21/03/2002	7.6	
35	20C50423	Võ Đức Văn	21/11/2002	7.6	
36	20C50342	Huỳnh Văn Viên	21/03/2002	7.6	
37	20C50548	Nguyễn Hoàng Vũ	26/09/2002	7.6	
38	20C10360	Bùi Đăng Long	15/10/2002	7.6	
39	20C50668	Nguyễn Minh Đức	22/10/2002	7.5	
40	20C50680	Đặng Văn Hải	06/11/2002	7.5	
41	20C50483	Phạm Thanh Hoàng	20/08/2002	7.5	
42	20C50537	Đỗ Văn Huy	13/03/2002	7.5	
43	20C50478	Đặng Hoàng Kha	09/07/2002	7.5	
44	20C50349	Nguyễn Đức Khang	27/01/2002	7.5	
45	20C50109	Phạm Vĩnh Khánh	13/03/2002	7.5	
46	20C50653	Nguyễn Anh Nhất	15/10/2002	7.5	
47	20C50510	Huỳnh Hữu Phúc	11/06/2002	7.5	
48	20C50461	Nguyễn Thành Tâm	06/02/2002	7.5	
49	20C50642	Nguyễn Nhật Tân	23/09/2002	7.5	
50	20C50352	Nguyễn Đức Trí	28/12/2002	7.5	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	ĐTB cả năm lớp 12	Ghi chú
51	20C50575	Lê Thái Nhựt	Trường	20/12/2002	7.5	
52	20C50462	Nguyễn Chí	Bình	10/01/2002	7.4	
53	20C50604	Nguyễn Thái	Bình	28/01/2002	7.4	
54	20C50161	Trần Thành	Công	28/06/2002	7.4	
55	20C10466	Nguyễn Hữu	Hiệp	22/07/2002	7.4	
56	20C50295	Vì Quốc	Hoàng	10/01/2002	7.4	
57	20C50702	Đình Gia	Huy	01/06/2002	7.4	
58	20C50720	Nguyễn Huỳnh	Huy	02/07/2002	7.4	
59	20C50245	Đỗ Minh	Khánh	15/04/2002	7.4	
60	20C50345	Lê Anh	Kiệt	01/09/2002	7.4	
61	20C50515	Nguyễn Thanh	Lam	21/08/2002	7.4	
62	20C50703	Mai Văn	Nhật	19/10/2002	7.4	
63	20C50173	Nguyễn Đức	Thuận	17/12/2002	7.4	
64	20C50590	Phan Nguyễn Ngọc	Tiến	06/12/2002	7.4	
65	20C50693	Huỳnh Anh	Tuấn	02/10/2002	7.4	
66	20C50650	Phạm Nguyễn Nhựt	Thuận	29/06/2002	7.4	
67	20C50069	Bùi Trọng	Dũng	23/02/2001	7.3	
68	20C50479	Đặng Văn	Duy	18/08/2002	7.3	
69	20C50639	Trương Quốc	Hòa	13/03/2002	7.3	
70	20C10914	Tô Ngọc	Lâm	21/06/2002	7.3	
71	20C50713	Phạm Ngọc	Nhân	18/11/2002	7.3	
72	20C50557	Huỳnh Hồng Bảo	Phát	16/03/2002	7.3	
73	20C50636	Nguyễn Thanh	Phiên	23/02/2002	7.3	
74	20C50484	Thiều Hoàng	Phong	14/09/2000	7.3	
75	20C50176	Đỗ Đức	Quang	25/12/2001	7.3	
76	20C50627	Nguyễn Ngọc	Tân	12/10/2002	7.3	
77	20C11148	Nguyễn Gia	Thành	11/10/2002	7.3	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	ĐTB cả năm lớp 12	Ghi chú
78	20C50471	Lê Chí Thiện	02/02/2002	7.3	
79	20C50538	Hoàng Đức Thịnh	10/09/2002	7.3	
80	20C50493	Nguyễn Văn Hậu Thuận	08/11/2002	7.3	
81	20C50192	Lê Minh Tuấn	22/06/2002	7.3	
82	20C50183	Trần Mạnh Vương	27/02/2002	7.3	
83	20C50227	Lê Kim Bằng	25/04/2002	7.2	
84	20C50191	Nguyễn Đình Bảo	22/07/2002	7.2	
85	20C50495	Phạm Chí Bảo	27/05/2002	7.2	
86	20C50224	Phạm Thành Công	16/09/2002	7.2	
87	20C50473	Phan Châu Hiệp	18/10/2002	7.2	
88	20C50688	Nguyễn Văn Hoàng	14/01/2002	7.2	
89	20C50054	Châu Minh Luân	20/10/2002	7.2	
90	20C50314	Nguyễn Thái Nhân	18/10/2000	7.2	
91	20C50716	Trần Ngọc Quyền	20/02/2002	7.2	
92	20C50406	Phạm Minh Thái	14/04/2002	7.2	
93	20C50142	Nguyễn Phú Trung	07/03/2002	7.2	
94	20C50687	Nguyễn Quốc Bảo	11/08/2002	7.1	
95	20C14351	Thống Văn Hoàng	17/03/2002	7.1	
96	20C50564	Sầm Văn Hưởng	29/01/2002	7.1	
97	20C50654	Nguyễn Minh Kê	31/01/2002	7.1	
98	20C50708	Nguyễn Văn Mạnh	11/05/2001	7.1	
99	20C50376	Diệp Nguyễn Lê Minh	16/10/2002	7.1	
100	20C50205	Trần Võ Ngọc Nguyên	05/01/2002	7.1	
101	20C50739	Nguyễn Thanh Nhuận	21/06/2002	7.1	
102	20C50021	Đỗ Tiến Phát	18/06/2002	7.1	
103	20C50695	Trần Ngọc Tấn Phát	01/11/2002	7.1	
104	20C50709	Hoàng Ngọc Sáng	15/05/2002	7.1	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	ĐTB cả năm lớp 12	Ghi chú
105	20C50005	Huỳnh Công Sơn	08/02/1987	7.1	
106	20C50285	Huỳnh Văn Tiến Thịnh	09/01/2002	7.1	
107	20C50300	Nguyễn Hữu Thịnh	12/05/2002	7.1	
108	20C50580	Tạ Quốc Trung	24/09/2002	7.1	
109	20C50632	Nguyễn Đình Nhật Trường	19/02/2002	7.1	
110	20C50578	Nguyễn An Danh	17/11/2002	7.0	
111	20C50514	Vi Thành Danh	30/11/2002	7.0	
112	20C50464	Phan Thế Định	01/01/2001	7.0	
113	20C50685	Phan Huy Hà	19/01/2002	7.0	
114	20C50435	Trần Trần Long	15/03/2002	7.0	
115	20C50494	Lê Hoàng Minh	28/12/2002	7.0	
116	20C50306	Nguyễn Trung Nguyên	09/08/2002	7.0	
117	20C50608	Phạm Xuân Quý	25/11/2002	7.0	
118	20C50400	Phạm Huy Trình	17/10/2002	7.0	
119	20C50264	Nguyễn Hải Đăng	08/10/2002	6.9	
120	20C50455	Bạch Trung Ngọc	26/04/2002	6.9	
121	20C50569	Huỳnh Thiện Nhân	17/11/2002	6.9	
122	20C50203	Trịnh Đức Tài	06/11/2002	6.9	
123	20C50028	Đặng Thanh Thiện	30/07/1999	6.9	
124	20C50214	Lê Duy Anh	12/12/2002	6.8	
125	20C50181	Trần Nhật Khoa	11/06/2002	6.8	
126	20C50043	Nguyễn Minh Thái	12/03/2000	6.8	
127	20C50460	Nguyễn Phước Quốc Thiên	25/04/2001	6.8	
128	20C50288	Trần Công Thương	22/04/2002	6.8	
129	20C50381	Trần Anh Tuấn	24/02/2002	6.8	
130	20C50015	Vi Văn Hậu	01/12/2001	6.7	
131	20C50354	Nguyễn Công Khánh Hưng	12/02/2002	6.7	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	ĐTB cả năm lớp 12	Ghi chú
132	20C50565	Phan Hữu Quốc	10/10/2002	6.7	
133	20C50463	Nguyễn Trí Thắng	27/07/2002	6.7	
134	20C50078	Đỗ Thành Trung	22/09/2002	6.7	
135	20C50234	Nguyễn Xuân Chúc	07/06/2002	6.6	
136	20C50323	Lương Đình Nam	18/12/2002	6.6	
137	20C50029	Lâm Phúc Tân	04/12/2002	6.6	
138	20C50445	Nguyễn Minh Trung	27/07/2002	6.6	
139	20C50411	Hoàng Anh Tuấn	12/10/2002	6.6	
140	20C50031	Huỳnh Tấn Hành	20/03/2002	6.5	
141	20C50094	Nguyễn Hoàng Huy	03/11/2002	6.5	
142	20C50119	Nguyễn Xuân Lộc	08/02/2001	6.5	
143	20C50649	Võ Duy Công	06/07/2002	6.4	
144	20C50447	Hồ Thanh Độ	24/01/2002	6.4	
145	20C50635	Lê Chí Hùng	17/09/2002	6.4	
146	20C50341	Phạm Anh Quang	12/09/2002	6.3	

Tổng cộng danh sách có 146 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 9 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

**PHÓ TRƯỞNG BAN THƯ KÝ
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



Phạm Hữu Lộc

Nguyễn Văn Tấn